

Số/No: **843/TCT-BTC**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

V/v: công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính  
*Abt: Periodic information disclosure of financial  
statements*

**Independence - Freedom - Happiness**

*TP. HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2024  
HCM City, August 29<sup>th</sup>, 2024*

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange**

Thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty IDICO - CTCP thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with Provision no.2, 4 - Article 14 of Circulars 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of Ministry of Finance about providing guidelines on disclosure of information on securities market, IDICO Corporation JSC discloses information on reviewed financial statements for 6 months of 2024 as below:*

**1. Tên tổ chức/Organization: Tổng công ty IDICO - CTCP/IDICO Corporation - JSC**

- Mã chứng khoán/Stock Symbol: **IDC**  
- Địa chỉ/Address: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh/151A Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại liên hệ/Tel: (028)3843 8883 - 3935 1901 - Fax: (028)3931 2705

- E-mail: [headoffice@idico.com.vn](mailto:headoffice@idico.com.vn) - Website: [www.idico.com.vn](http://www.idico.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure:**

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét/*Reviewed financial statements for 6 months of 2024:*

☒ Báo cáo tài chính riêng/*Separate financial statements;*

☒ Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con)/*Consolidated financial statements (Public company is a parent company with subsidiaries);*

- Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân/*Events that need to be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính/*Auditor's report on the audit of such financial statements and its explanation about any qualified opinions on financial statements:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/*Profit after tax of the reporting period between before and after audit increases/decreases by at least 5%, or changed from a positive number to a negative number or vice:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after tax in the income statement of the reporting period increases/decreases by at least 10% compared to that of the same reporting period in the previous year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Profit after tax of the reporting period is negative, year over year profit is changed from a positive number to a negative number or vice versa:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty IDICO – CTCP vào ngày 29/8/2024 tại đường dẫn: <http://www.idico.com.vn>, mục Quan hệ nhà đầu tư.

*All information above have been posted on August 29<sup>th</sup>, 2024 on the company website at: <http://www.idico.com.vn>, article "Investor Relations".*

**3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên/Report about transactions with value equal to or above 35% of total assets: Không/No.**



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Tầng 32 - Tòa nhà Pearl Plaza - 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: (+84) 28 3843 8883 - 28 3935 1901

Fax: (+84) 28 3931 2705

[www.idico.com.vn](http://www.idico.com.vn) | [headoffice@idico.com.vn](mailto:headoffice@idico.com.vn)



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*We declare that all information provided in this paper is true and we shall be legally responsible for any misrepresentation.*

*Nơi nhận/Recipients: M.*

- Như trên/As stated above;
- Website IDICO/IDICO website;
- Lưu: HC, KT/Kept at Administrative dept, Accounting dept.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE  
*M* VICE GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN VIỆT TUẤN



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Tầng 32 - Tòa nhà Pearl Plaza - 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: (+84) 28 3843 8883 - 28 3935 1901

Fax: (+84) 28 3931 2705

[www.idico.com.vn](http://www.idico.com.vn) | [headoffice@idico.com.vn](mailto:headoffice@idico.com.vn)

## **Tổng công ty IDICO - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024





# Tổng công ty IDICO - CTCP

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 59

# Tổng công ty IDICO - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP ("Tổng công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 6 tháng 12 năm 2000 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các GCNĐKDN sửa đổi.

Tổng công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 2 tháng 6 năm 2017 và được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDN sửa đổi lần 2 ngày 1 tháng 3 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng công ty được đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã IDC theo Quyết định số 739/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 6 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng công ty là đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

Tổng công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 151A Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Tổng công ty có một (1) văn phòng tại Tầng 32, Tòa nhà Pearl Plaza, Số 561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh tại các tỉnh/ thành phố của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên độc lập

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Phó Tổng giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Chính Trung.

Ông Nguyễn Việt Tuấn được Ông Đặng Chính Trung ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 29/UQ-TCT ngày 27 tháng 7 năm 2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.



# Tổng công ty IDICO - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP ("Tổng công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc .



Nguyễn Việt Tuấn  
Phó Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



Số tham chiếu: 13413866/68444951-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng công ty IDICO - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc***

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 25 tháng 8 năm 2023 và ngày 26 tháng 3 năm 2024.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.015.722.777.907</b>	<b>6.017.754.705.717</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.010.417.422.792</b>	<b>1.333.592.588.129</b>
111	1. Tiền		364.482.024.355	154.643.077.833
112	2. Các khoản tương đương tiền		645.935.398.437	1.178.949.510.296
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.266.290.583.521</b>	<b>909.712.050.997</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.266.290.583.521	909.712.050.997
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.204.381.350.310</b>	<b>2.400.623.060.618</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	769.891.415.461	843.799.009.769
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	94.518.037.838	111.678.503.526
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	990.000.000.000	890.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	429.793.894.727	627.777.143.616
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(82.387.654.675)	(75.197.253.252)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.565.656.959	2.565.656.959
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.496.215.248.487</b>	<b>1.299.384.858.394</b>
141	1. Hàng tồn kho	11	1.496.215.248.487	1.299.384.858.394
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>38.418.172.797</b>	<b>74.442.147.579</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	19.108.771.760	51.485.038.162
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	17.968.672.918	21.805.804.224
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	1.340.728.119	1.151.305.193



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.528.774.673.950</b>	<b>11.702.690.885.943</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>103.355.037.772</b>	<b>104.521.594.372</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	7.871.187.657	7.871.187.657
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	95.483.850.115	96.650.406.715
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.186.958.999.455</b>	<b>3.220.848.385.476</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.073.962.559.374	3.106.749.357.543
222	Nguyên giá		6.464.293.798.659	6.375.481.414.537
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.390.331.239.285)	(3.268.732.056.994)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	112.996.440.081	114.099.027.933
228	Nguyên giá		129.077.966.721	129.380.855.421
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.081.526.640)	(15.281.827.488)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>6.155.668.232.359</b>	<b>6.151.412.099.364</b>
231	1. Nguyên giá		9.378.551.139.232	8.807.902.831.412
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(3.222.882.906.873)	(2.656.490.732.048)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.034.184.435.965</b>	<b>1.322.665.305.843</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15	346.032.992.666	319.833.406.518
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	688.151.443.299	1.002.831.899.325
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>189.421.528.512</b>	<b>158.258.602.419</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	26.414.054.135	25.170.128.042
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	119.271.925.084	119.271.925.084
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(6.264.450.707)	(6.183.450.707)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	50.000.000.000	20.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>859.186.439.887</b>	<b>744.984.898.469</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	647.377.513.825	556.755.251.880
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	38.3	160.666.363.066	130.039.767.593
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		12.015.963.442	12.015.963.442
269	4. Lợi thế thương mại	21	39.126.599.554	46.173.915.554
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>17.544.497.451.857</b>	<b>17.720.445.591.660</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

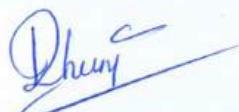
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.406.444.737.338</b>	<b>11.515.531.064.178</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.309.098.655.756</b>	<b>3.986.374.598.067</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	22	297.899.522.659	313.782.018.791
312	2. Người mua trả tiền trước	23	223.887.694.844	388.129.398.490
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	458.341.686.516	462.170.550.428
314	4. Phải trả người lao động		25.462.765.466	42.398.103.332
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	837.689.888.147	707.731.237.435
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	25	1.122.038.773.776	660.565.738.967
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	26	410.625.790.643	393.253.272.298
320	8. Vay ngắn hạn	28	886.719.553.767	937.781.049.770
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	27	102.000.000	50.348.027.770
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29	46.330.979.938	30.215.200.786
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.097.346.081.582</b>	<b>7.529.156.466.111</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	23	-	47.267.455.743
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	25	4.523.176.815.501	4.584.182.020.007
337	3. Phải trả dài hạn khác	26	16.088.480.911	12.821.656.997
338	4. Vay dài hạn	28	2.166.217.717.124	2.584.728.044.726
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38.3	45.054.635.846	44.650.763.667
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	27	346.808.432.200	255.506.524.971



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.138.052.714.519</b>	<b>6.204.914.527.482</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>30.1</b>	<b>6.138.052.714.519</b>	<b>6.204.914.527.482</b>
411	1. Vốn cổ phần		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		44.477.461.497	44.477.461.497
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		79.071.882.784	79.071.882.784
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(43.500.578.195)	(43.500.578.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		719.052.618.560	719.052.618.560
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		658.511.477.246	873.597.319.368
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		190.887.995.751	139.949.984.127
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		467.623.481.495	733.647.335.241
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	31	1.380.440.562.627	1.232.216.533.468
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>17.544.497.451.857</b>	<b>17.720.445.591.660</b>

  
Nguyễn Thị Kim Phụng  
Người lập

  
Trần Thị Ngọc  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Việt Tuấn  
Phó Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.1	4.615.571.916.469	3.554.243.938.726
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	32.1	(26.052.352)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.1	4.615.545.864.117	3.554.243.938.726
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	34, 36	(2.707.392.568.790)	(2.358.358.680.410)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.908.153.295.327	1.195.885.258.316
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	32.2	70.370.446.426	102.828.139.199
22	7. Chi phí tài chính	33	(69.871.369.045)	(104.525.609.298)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(68.306.183.446)	(101.471.621.967)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	17.1	1.243.926.093	758.613.525
25	9. Chi phí bán hàng	35, 36	(69.008.784.927)	(57.397.827.201)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	35, 36	(114.953.633.028)	(104.858.720.934)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.725.933.880.846	1.032.689.853.607
31	12. Thu nhập khác	37	15.306.902.488	8.633.440.443
32	13. Chi phí khác	37	(4.487.426.115)	(844.365.104)
40	14. Lợi nhuận khác	37	10.819.476.373	7.789.075.339
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.736.753.357.219	1.040.478.928.946
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.1	(385.930.771.812)	(200.590.899.309)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	38.3	30.222.723.294	(2.103.245.762)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.381.045.308.701	837.784.783.875
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		1.127.623.339.495	681.407.844.918
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	31	253.421.969.206	156.376.938.957
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.5	3.417	2.030
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30.5	3.417	2.030

Nguyễn Thị Kim Phụng  
Người lập

Trần Thị Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Tuấn  
Phó Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

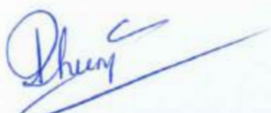
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>1.736.753.357.219</b>	<b>1.040.478.928.946</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	36	706.357.647.426	772.418.873.096
03	Dự phòng		48.327.280.882	23.823.794.539
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(233.248.697)	164.138.613
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(71.409.156.474)	(109.409.112.014)
06	Chi phí lãi vay	33	68.306.183.446	101.471.621.967
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.488.102.063.802</b>	<b>1.828.948.245.147</b>
09	Giảm các khoản phải thu		282.752.351.884	265.025.191.876
10	Tăng hàng tồn kho		(217.794.144.697)	(36.897.708.162)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		357.154.812.786	(376.328.250.342)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(58.245.995.543)	10.851.489.104
14	Tiền lãi vay đã trả		(73.303.138.836)	(102.418.852.246)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(441.797.539.715)	(456.702.816.501)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.973.350.512)	(8.615.455.347)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.323.895.059.169</b>	<b>1.123.861.843.529</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và bất động sản đầu tư		(341.156.950.932)	(593.690.000.209)
22	Thanh lý tài sản cố định		96.000.000	6.166.380.909
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(1.368.463.007.133)	(389.187.564.507)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		882.054.974.559	444.845.957.696
27	Tiền thu lãi tiền gửi		75.468.190.298	101.848.332.385
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(752.000.793.208)</b>	<b>(430.016.893.726)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	28	1.194.576.943.478	960.730.336.416
34	Tiền trả nợ gốc vay	28	(1.664.148.767.083)	(769.321.827.976)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.425.730.856.390)	(735.565.521.670)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(1.895.302.679.995)</b>	<b>(544.157.013.230)</b>




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(323.408.414.034)	149.687.936.573
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.333.592.588.129	1.086.919.534.730
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		233.248.697	(164.138.613)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.010.417.422.792	1.236.443.332.690

  
Nguyễn Thị Kim Phụng  
Người lập

  
Trần Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Việt Tuấn  
Phó Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP ("Tổng công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp ngày 6 tháng 12 năm 2000 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các GCNĐKDN sửa đổi.

Tổng công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 2 tháng 6 năm 2017 và được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDN sửa đổi lần 2 ngày 1 tháng 3 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng công ty được đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã IDC theo Quyết định số 739/QĐ-SGDHN do HNX cấp ngày 6 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng công ty là đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

Tổng công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 151A Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Tổng công ty có một (1) văn phòng tại Tầng 32, Tòa nhà Pearl Plaza, Số 561A Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh tại các tỉnh/ thành phố của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.092 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.118 người).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty có 16 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp) đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty:

Tên công ty con	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
(1) Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang ("IDICO-ITC")	Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh hạ tầng KCN	65,00%	65,00%
(2) Công ty Cổ phần IDICO Vinh Quang ("IDICO-IVC")	Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh hạ tầng KCN	99,99%	99,99%
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO ("IDICO-URBIZ")	Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("IDICO-SHP")	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,78%	51,78%
(5) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("IDICO-IDI")	Thành phố Hồ Chí Minh	BOT giao thông, xây lắp	61,78%	59,68%
(6) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO ("UDICO")	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh điện và xây lắp	66,93%	66,93%
(7) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu Công nghiệp IDICO ("IDICO-ISC")	Tỉnh Đồng Nai	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty có 16 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp) đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
(8) Công ty Cổ phần IDERGY ("IDERGY")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, phân phối điện, xây lắp	99,99%	99,99%
(9) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Quê Võ IDICO ("IDICO-QUE VO")	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO ("IDICO-LINCO")	Tỉnh Long An	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%
(11) Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO ("IDICO-CONAC")	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%
(12) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO ("IDICO-MCI")	Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
(13) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 10 IDICO ("IDICO-INCO 10")	Tỉnh Cần Thơ	Xây lắp	97,78%	97,78%
(14) Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO ("IDICO-TCC")	Tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%
(15) Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO ("IDICO-INCON")	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%
(16) Công ty Cổ phần IDICO Hà Nam ("IDICO-IHC")	Tỉnh Hà Nam	Kinh doanh BĐS	79,98%	79,98%
(17) Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị và Nhà IDICO	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh BĐS	100,00%	83,80%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia  
công cụ, dụng cụ quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa  
kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Nhóm công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa quyền sử dụng đất vào sử dụng như dự kiến.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất đó. Quyền sử dụng đất lâu dài (không có thời hạn sử dụng) thì không được trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Nhóm công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	45 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	1 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 8 năm
Tài sản cố định khác	2 - 5 năm

#### 3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng đã hoàn thành và sẵn sàng cho thuê hoặc đã được cho thuê tại ngày báo cáo.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm tất cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cho thuê	35 - 48 năm

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.18, khấu hao bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí xây dựng dở dang*

Chi phí xây dựng dở dang là các bất động sản đầu tư và tài sản cố định đang được xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Khoản mục này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng dở dang không được khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm công ty và được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.12 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm công ty. Thông thường, Nhóm công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ Tổng công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.15 Các khoản dự phòng

Nhóm công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng quản trị của Nhóm công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cho thuê ghi nhận một lần*

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Nhóm công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Nhóm công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Nhóm công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.
- Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã truyền tải đến khách hàng theo giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm công ty được xác lập.

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế,

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	29.663.646.420	11.327.281.765
Tiền gửi ngân hàng	174.265.142.456	143.315.796.068
Tiền đang chuyển	160.553.235.479	-
Các khoản tương đương tiền (*)	645.935.398.437	1.178.949.510.296
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.010.417.422.792</b>	<b>1.333.592.588.129</b>

(\*) Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và đầu tư tích lũy linh hoạt tại công ty chứng khoán có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.266.290.583.521</b>	<b>909.712.050.997</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.131.290.583.521	869.712.050.997
Đầu tư tích lũy linh hoạt (ii)	95.000.000.000	-
Trái phiếu (iii)	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Trái phiếu (iv)	50.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.316.290.583.521</b>	<b>929.712.050.997</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)**

- (i) Số cuối kỳ thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng. Một phần của khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm công ty tại các Ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 28.1).
- (ii) Số cuối kỳ thể hiện các khoản đầu tư tích lũy linh hoạt có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng tại công ty chứng khoán và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.
- (iii) Số cuối kỳ trình bày giá trị đầu tư của IDICO-CONAC vào 400.000 trái phiếu của Công ty Cổ phần IDTT, bên liên quan của IDICO-CONAC, với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 12 năm 2024 và hưởng lãi suất 12,5%/năm.
- (iv) Số cuối kỳ trình bày giá trị khoản đầu tư của IDICO-CONAC vào 500 trái phiếu của Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa, bên liên quan của IDICO-CONAC, với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000.000 VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 6 năm 2026 và hưởng lãi suất 11%/năm.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>769.891.415.461</b>	<b>843.799.009.769</b>
Phải thu từ các bên khác	769.192.123.057	843.653.306.410
Công ty Mua bán điện	100.271.970.326	248.402.730.233
Công ty TNHH Hyosung Vina Core Materials	32.116.957.943	-
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	31.793.934.199
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory	-	69.139.954.462
Pepsico Việt Nam	605.009.260.589	494.316.687.516
Các khách hàng khác	-	-
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 39)	699.292.404	145.703.359
<b>Dài hạn</b>	<b>7.871.187.657</b>	<b>7.871.187.657</b>
Phải thu từ các bên khác	7.871.187.657	7.871.187.657
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>777.762.603.118</b>	<b>851.670.197.426</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(74.799.634.209)	(70.026.151.356)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>702.962.968.909</b>	<b>781.644.046.070</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	70.026.151.356	51.806.083.789
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.773.482.853	3.318.730.735
Số cuối kỳ	74.799.634.209	55.124.814.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho bên thứ ba	93.270.119.883	110.735.131.026
<i>Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng</i>		
<i>An Hòa</i>	24.234.291.768	33.084.101.904
<i>Công ty Cổ phần Môi trường Soltech</i>		
<i>Việt Nam</i>	9.853.135.180	11.328.679.850
<i>Khác</i>	59.182.692.935	66.322.349.272
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 39</i> )	1.247.917.955	943.372.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.518.037.838</b>	<b>111.678.503.526</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(1.342.320.000)	(1.342.320.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>93.175.717.838</b>	<b>110.336.183.526</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Pan Asia (i)	540.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phước (ii)	310.000.000.000	310.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trần Phương (iii)	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	-	80.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>990.000.000.000</b>	<b>890.000.000.000</b>

- (i) Số cuối kỳ thể hiện khoản cho vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn ký ngày 4 tháng 12 năm 2023 và ngày 5 tháng 4 năm 2024 giữa IDICO – IVC và Công ty Cổ phần Đầu tư Pan Asia với thời hạn vay từ 9 đến 12 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản, cổ phần và nguồn thu trong tương lai hình thành từ các dự án/công ty mà bên vay thực hiện đầu tư, góp vốn.
- (ii) Số cuối kỳ thể hiện khoản cho vay ngắn hạn theo hợp đồng vay vốn ký ngày 28 tháng 11 năm 2023 và hợp đồng điều chỉnh, ký ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa IDICO – ITC và Công ty Cổ phần Đầu tư An Phước với thời hạn vay đến ngày 28 tháng 11 năm 2024 và hưởng lãi suất 4,5%/năm.
- (iii) Số cuối kỳ thể hiện khoản cho vay ngắn hạn theo hợp đồng vay vốn ký ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa UDICO và Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trần Phương với thời hạn vay đến 30 tháng 12 năm 2024 và hưởng lãi suất 5,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.700.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Dak R’Tih.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>429.793.894.727</b>	<b>627.777.143.616</b>
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược (*)	276.604.358.834	314.737.017.206
Tạm ứng thực hiện chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng tại dự án Hữu Thạnh	63.298.930.208	46.765.522.208
Tạm ứng nhân viên	47.274.135.268	62.857.075.586
Phải thu, dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.144.729.093	31.964.177.703
Phải thu ủy thác đầu tư	-	155.000.000.000
Khác	16.471.741.324	16.453.350.913
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 39)	1.463.684.880	1.463.684.880
Phải thu từ các bên khác	428.330.209.847	626.313.458.736
<b>Dài hạn</b>	<b>95.483.850.115</b>	<b>96.650.406.715</b>
Phải thu bồi thường giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Quế Võ 2	58.499.706.049	58.499.706.049
Ký cược, ký quỹ	16.895.255.000	18.061.811.600
Khác	20.088.889.066	20.088.889.066
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>525.277.744.842</b>	<b>724.427.550.331</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(6.194.997.850)	(3.756.559.501)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>519.082.746.992</b>	<b>720.670.990.830</b>

(\*) Số cuối kỳ thể hiện các khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng một dự án tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 23/NQ/HĐQT ngày 9 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	3.756.559.501	2.875.241.902
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.438.438.349	881.317.599
Số cuối kỳ	6.194.997.850	3.756.559.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. NỢ XẤU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH				
Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	(31.793.934.199)	31.793.934.199	(31.793.934.199)
Công ty Cổ phần				
Logistics Phú Mỹ 2	7.516.558.499	(7.028.561.754)	7.516.558.499	(6.284.057.807)
Công ty Cổ phần				
Thủy điện Đakrinh	7.122.922.361	(7.122.922.361)	7.122.922.361	(7.122.922.361)
Công ty Cổ phần				
Phát triển đường				
cao tốc Biên Hòa -				
Vũng Tàu	6.241.657.104	(2.941.402.434)	6.241.657.104	(2.941.402.434)
Công ty TNHH				
ACOTEC Hoàng Vũ	5.818.912.411	(5.818.912.411)	5.818.912.411	(5.818.912.411)
Công ty TNHH				
Hammer Việt Nam	3.191.399.755	(3.191.399.755)	3.191.399.755	(3.191.399.755)
Khác	44.698.446.180	(24.490.521.761)	18.548.153.780	(18.044.624.285)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.383.830.509</b>	<b>(82.387.654.675)</b>	<b>80.233.538.109</b>	<b>(75.197.253.252)</b>

11. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.352.800.599.096	1.169.560.049.198
Hàng hóa bất động sản	95.914.309.134	73.987.640.714
Nguyên liệu, vật liệu	24.569.589.343	33.154.358.044
Hàng hóa khác	18.128.468.183	17.622.434.340
Thành phẩm	4.598.453.910	4.898.455.982
Công cụ, dụng cụ	203.828.821	161.920.116
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.496.215.248.487</b>	<b>1.299.384.858.394</b>

(\*) Chi tiết chi phí đầu tư xây dựng dở dang của các dự án bất động sản đang triển khai được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án Khu dân cư nhà ở công nhân Hữu Thạnh	786.872.043.509	530.258.879.000
Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp		
nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang,		
Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	316.222.490.384	326.290.100.001
Dự án Hóa An	75.918.847.370	75.683.741.995
Khu nhà ở An Hòa, Phường An Hòa, Thành		
phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45.632.409.547	45.596.044.849
Dự án khu Trung tâm thương mại Aeon	7.017.640	64.213.899.600
Các dự án khác	128.147.790.646	127.517.383.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.352.800.599.096</b>	<b>1.169.560.049.198</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.040.296.889.625	1.199.861.377.057	111.773.500.043	13.104.664.535	10.444.983.277	6.375.481.414.537
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.838.773.966	54.637.039.543	-	-	-	96.475.813.509
Mua mới trong kỳ	212.599.319	333.000.000	2.247.139.680	175.772.727	349.165.792	3.317.677.518
Thanh lý	(9.218.509.769)	(970.268.565)	(792.328.571)	-	-	(10.981.106.905)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>5.073.129.753.141</u>	<u>1.253.861.148.035</u>	<u>113.228.311.152</u>	<u>13.280.437.262</u>	<u>10.794.149.069</u>	<u>6.464.293.798.659</u>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	1.101.327.502.343	356.314.533.336	52.433.966.178	7.584.700.674	3.992.795.711	1.521.653.498.242
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.347.683.045.039	825.906.347.346	80.492.300.546	10.184.065.356	4.466.298.707	3.268.732.056.994
Khấu hao trong kỳ	94.133.504.370	33.403.729.707	4.031.103.294	488.410.549	267.526.997	132.324.274.917
Thanh lý	(9.218.509.769)	(714.254.286)	(792.328.571)	-	-	(10.725.092.626)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.432.598.039.640</u>	<u>858.595.822.767</u>	<u>83.731.075.269</u>	<u>10.672.475.905</u>	<u>4.733.825.704</u>	<u>3.390.331.239.285</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>2.692.613.844.586</u>	<u>373.955.029.711</u>	<u>31.281.199.497</u>	<u>2.920.599.179</u>	<u>5.978.684.570</u>	<u>3.106.749.357.543</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.640.531.713.501</u>	<u>395.265.325.268</u>	<u>29.497.235.883</u>	<u>2.607.961.357</u>	<u>6.060.323.365</u>	<u>3.073.962.559.374</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.291.358.715.452 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.340.609.000.678 VND) (Thuyết minh số 28).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	124.052.751.085	1.392.454.200	3.935.650.136	129.380.855.421
Phân loại lại	(302.888.700)	-	-	(302.888.700)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>123.749.862.385</u>	<u>1.392.454.200</u>	<u>3.935.650.136</u>	<u>129.077.966.721</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.219.870.808	1.392.454.200	3.669.502.480	15.281.827.488
Hao mòn trong kỳ	751.308.672	-	48.390.480	799.699.152
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>10.971.179.480</u>	<u>1.392.454.200</u>	<u>3.717.892.960</u>	<u>16.081.526.640</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>113.832.880.277</u>	<u>-</u>	<u>266.147.656</u>	<u>114.099.027.933</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>112.778.682.905</u>	<u>-</u>	<u>217.757.176</u>	<u>112.996.440.081</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 56.481.146.530 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 57.159.229.816 VND) (Thuyết minh số 28).



#### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong *Thuyết minh số 32.1 và 34.*

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 3.303.968.261.109 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 3.188.750.000.500 VND) (Thuyết minh số 28).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tương đương với giá trị còn lại vào ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Khu dân cư, nhà ở công nghiệp		
Khu công nghiệp Hữu Thạnh	321.520.672.372	318.888.772.548
Dự án Hiệp Phước	24.512.320.294	-
Khu dân cư Trung tâm mở rộng		
Phường 6 giai đoạn 2	-	944.633.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>346.032.992.666</b>	<b>319.833.406.518</b>

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	116.036.228.168	66.240.970.435
Khu công nghiệp Quế Võ 2	98.151.325.886	207.371.369.080
Nhà xưởng - Khu công nghiệp Hữu Thạnh	77.501.400.408	75.949.108.156
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	70.955.897.262	62.773.698.425
Khu công nghiệp Hữu Thạnh	64.281.988.986	271.288.739.817
Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp		
Nhơn Trạch 5	50.343.915.626	49.182.097.202
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, Thành phố Hồ Chí Minh	34.096.120.971	34.096.120.971
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	32.781.848.346	32.668.241.312
Dự án Khu nhà ở CBNV -		
Chuyên gia 3,4 ha Khu công nghiệp		
Mỹ Xuân B1	27.965.575.051	27.039.115.051
Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp		
Mỹ Xuân A	22.876.015.010	21.744.586.565
Trạm biến áp 10/22kV và lưới điện		
Khu công nghiệp Hữu Thạnh	18.754.958.815	42.884.690.765
Nhà xưởng - Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	11.306.820.874	54.318.261.773
Khác	63.099.347.896	57.274.899.773
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>688.151.443.299</b>	<b>1.002.831.899.325</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 17.1)	26.414.054.135	25.170.128.042
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2)	119.271.925.084	119.271.925.084
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>145.685.979.219</b>	<b>144.442.053.126</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.264.450.707)	(6.183.450.707)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>139.421.528.512</b>	<b>138.258.602.419</b>

**17.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	% sở hữu	Giá trị thuần VND	% sở hữu	Giá trị thuần VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	49,00	-	49,00	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	28,54	26.414.054.135	28,54	25.170.128.042
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	34,85	-	34,85	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.414.054.135</b>		<b>25.170.128.042</b>

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	VND
	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	190.449.662.495
<b>Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(165.279.534.453)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	1.243.926.093
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(164.035.608.360)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	25.170.128.042
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	26.414.054.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**17.2 Đầu tư vào các đơn vị khác**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân	15,00	45.000.000.000	-	15,00	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn	8,54	28.256.416.000	-	8,54	28.256.416.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận	4,57	14.470.722.442	-	4,57	14.470.722.442	-
Trường Đại Học Vinh	7,17	10.217.858.042	(3.380.262.707)	7,17	10.217.858.042	(3.380.262.707)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	1,22	8.393.000.000	-	1,22	8.393.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác Hạnh Phúc	7,5	6.750.000.000	-	7,5	6.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	8,91	3.119.400.000	-	8,91	3.119.400.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	4,76	2.951.688.000	(2.884.188.000)	4,76	2.951.688.000	(2.803.188.000)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	0,00135	112.840.600	-	0,00135	112.840.600	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>119.271.925.084</b>	<b>(6.264.450.707)</b>		<b>119.271.925.084</b>	<b>(6.183.450.707)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.108.771.760</b>	<b>51.485.038.162</b>
Chi phí hoa hồng	7.177.922.513	30.414.464.712
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.491.186.135	8.179.679.403
Khác	8.439.663.112	12.890.894.047
<b>Dài hạn</b>	<b>647.377.513.825</b>	<b>556.755.251.880</b>
Chi phí tiền thuê đất	584.672.204.649	485.603.784.936
Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	36.108.511.788	48.343.984.668
Chi phí hoa hồng	3.933.917.004	210.295.008
Công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí khác	3.536.091.606	2.989.844.144
Khác	19.126.788.778	19.607.343.124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>666.486.285.585</b>	<b>608.240.290.042</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	21.805.804.224	168.812.583.569	172.649.714.875	17.968.672.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.376.437	740.432.712	-	743.809.149
Thuế thu nhập cá nhân	171.912.610	257.882.291	-	429.794.901
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	888.456.881	3.249.042.510	4.137.499.391	-
Khác	87.559.265	127.792.500	48.227.696	167.124.069
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.957.109.417</b>	<b>173.187.733.582</b>	<b>176.835.441.962</b>	<b>19.309.401.037</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	392.256.567.165	385.930.771.812	441.057.107.003	337.130.231.974
Thuế giá trị gia tăng	29.077.815.450	431.468.394.657	357.864.374.806	102.681.835.301
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18.398.095.767	411.728.893.707	425.090.982.713	5.036.006.761
Thuế tài nguyên	5.089.414.766	14.248.290.209	16.560.122.893	2.777.582.082
Thuế thu nhập cá nhân	3.397.532.910	30.899.936.999	32.986.450.211	1.311.019.698
Khác	13.951.124.370	10.642.112.678	15.188.226.348	9.405.010.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>462.170.550.428</b>	<b>1.284.918.400.062</b>	<b>1.288.747.263.974</b>	<b>458.341.686.516</b>

**20. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 41.077.336.403 VND (Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 80.402.625.988 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư các dự án của Nhóm công ty.

# Tổng công ty IDICO - CTCP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND  
Số tiền

### Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 184.605.937.195

### Phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 138.432.021.641

Phân bổ trong kỳ 7.047.316.000

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 145.479.337.641

### Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 46.173.915.554

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 39.126.599.554

## 22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả các bên khác	296.422.441.983	312.274.938.115
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	72.665.529.910	74.324.759.402
Công ty TNHH XD TM DV Nghĩa Bình	22.876.364.671	19.554.819.042
Các đối tượng khác	200.880.547.402	218.395.359.671
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	1.477.080.676	1.507.080.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>297.899.522.659</b>	<b>313.782.018.791</b>

## 23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước thể hiện các khoản ứng trước của khách hàng mua căn hộ và đất nền và xây dựng các dự án của Nhóm công ty như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>223.887.694.844</b>	<b>388.129.398.490</b>
Dự án Khu dân cư Phường 6 mở rộng	76.509.385.910	26.775.815.495
Dự án Hà Nam	49.532.842.426	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	23.258.999.600	14.690.396.600
Ban QLDA đường Vành Đai 3 TP HCM	23.083.096.000	37.711.508.000
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	-	267.904.000.000
Khác	51.503.370.908	41.047.678.395
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>47.267.455.743</b>
Dự án Khu dân cư Phường 6 mở rộng	-	47.267.455.743
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>223.887.694.844</b>	<b>435.396.854.233</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí phát triển liên quan đến hạ tầng khu công nghiệp đã cho thuê	769.832.812.515	647.337.891.659
Chi phí lãi vay phải trả	25.195.753.253	28.734.066.647
Trích trước chi phí dự án	13.552.914.337	13.552.914.337
Chi phí xác định giá vốn kinh doanh bất động sản thương mại	10.915.458.346	-
Khác	18.192.949.696	18.106.364.792
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>837.689.888.147</b>	<b>707.731.237.435</b>

**25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.122.038.773.776</b>	<b>660.565.738.967</b>
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp:		
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	621.334.248.261	336.873.549.422
- Khu công nghiệp Hữu Thạnh	291.049.392.110	228.710.671.100
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	72.122.720.968	44.072.708.334
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	47.533.514.354	8.272.790.561
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	26.383.222.836	267.245.336
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	25.123.707.554	20.259.032.300
- Khu công nghiệp Cầu Ngàn	14.357.397.060	-
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	10.488.809.734	-
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	9.039.772.022	18.065.266.280
- Khu công nghiệp Kim Hoa	4.542.869.655	4.041.091.206
Doanh thu nhận trước ngắn hạn khác	63.119.222	3.384.428
<b>Dài hạn</b>	<b>4.523.176.815.501</b>	<b>4.584.182.020.007</b>
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp:		
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	1.346.623.342.873	1.381.559.119.365
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.427.777.111.298	1.445.624.559.476
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	643.823.914.887	640.942.560.063
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	621.361.997.555	623.859.452.725
- Khu công nghiệp Hữu Thạnh	202.339.414.641	204.877.438.530
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	186.763.841.772	190.728.149.442
- Khu công nghiệp Kim Hoa	94.030.458.393	95.975.916.153
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	248.435.117	402.697.588
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	208.298.965	212.126.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.645.215.589.277</b>	<b>5.244.747.758.974</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>410.625.790.643</b>	<b>393.253.272.298</b>
Nhận ký quỹ, ký cược (i)	315.850.880.125	296.384.049.652
Phải trả chi phí đầu tư hạ tầng (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.423.131.209	35.335.995.599
Lãi vay phải trả	3.034.927.901	2.780.509.925
Khác	18.213.592.571	13.649.458.285
<b>Dài hạn</b>	<b>16.088.480.911</b>	<b>12.821.656.997</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	9.901.186.784	6.844.880.384
Khác	6.187.294.127	5.976.776.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>426.714.271.554</b>	<b>406.074.929.295</b>

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản đặt cọc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dịch vụ thuê lại đất tại các khu công nghiệp.

(ii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản phải trả theo thỏa thuận ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

**27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>102.000.000</b>	<b>50.348.027.770</b>
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án	-	45.073.245.770
Chi phí đại tu và tiểu tu	-	4.200.000.000
Khác	102.000.000	1.074.782.000
<b>Dài hạn</b>	<b>346.808.432.200</b>	<b>255.506.524.971</b>
Chi phí sửa chữa vừa và lớn dự án BOT An Sương - An Lạc	346.808.432.200	255.506.524.971
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>346.910.432.200</b>	<b>305.854.552.741</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả nợ vay	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>937.781.049.770</b>	<b>1.064.493.996.978</b>	<b>(1.652.561.217.305)</b>	<b>537.005.724.324</b>	<b>886.719.553.767</b>
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 28.1)	549.031.049.770	1.064.493.996.978	(1.347.686.217.305)	-	265.838.829.443
Vay ngân hàng dài hạn					
đến hạn trả	358.750.000.000		(274.875.000.000)	137.005.724.324	220.880.724.324
(Thuyết minh số 28.2)					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
(Thuyết minh số 28.3)					
Vay bên khác	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.584.728.044.726</b>	<b>130.082.946.500</b>	<b>(11.587.549.778)</b>	<b>(537.005.724.324)</b>	<b>2.166.217.717.124</b>
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 28.2)	2.184.728.044.726	130.082.946.500	(11.587.549.778)	(137.005.724.324)	2.166.217.717.124
Trái phiếu	400.000.000.000	-	-	(400.000.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.522.509.094.496</b>	<b>1.194.576.943.478</b>	<b>(1.664.148.767.083)</b>	<b>-</b>	<b>3.052.937.270.891</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. VAY

### 28.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5, 12, 13, 14)
	VND		(%/năm)	
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn</b>				
Khoản vay 1	22.265.931.557	Từ ngày 19 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 1 năm 2025	4,7 - 4,9	Các hợp đồng tiền gửi của IDICO-INCO 10
Khoản vay 2	8.069.275.088	Ngày 23 tháng 9 năm 2024	3,2	Các hợp đồng tiền gửi của IDICO-ISC
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai</b>				
Khoản vay 1	104.381.589.276	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2024 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	3,0	Đường dây điện trung thế và các máy biến áp của UDICO
Khoản vay 2	13.842.061.976	Từ ngày 5 tháng 8 năm 2024 đến ngày 13 tháng 8 năm 2024	3,5 - 4,5	Các hợp đồng tiền gửi của IDICO-ISC
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An</b>				
Khoản vay 1	47.420.176.014	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024	4,5 - 6,5	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của IDICO-LINCO
<b>Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>				
Khoản vay 1	14.047.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2024	4,4 - 6,4	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và quyền sử dụng đất tại Khách sạn Long Hải thuộc sở hữu của IDICO-CONAC



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. VAY (tiếp theo)**

**28.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)**

Nhóm công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5, 12, 13, 14)
	VND		(%/năm)	
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ</b>				
Khoản vay 1	13.555.037.894	Ngày 25 tháng 4 năm 2025	4,2 - 4,4	Các hợp đồng tiền gửi của IDICO-INCO 10
<b>Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Hội sở</b>				
Khoản vay 1	23.347.684.541	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 đến ngày 21 tháng 12 năm 2024	4,0 - 6,0	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của IDICO-LINCO
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước</b>				
Khoản vay 1	9.764.596.597	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 đến ngày 18 tháng 10 năm 2024	5,2 - 5,6	Máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng thuộc sở hữu của IDICO-SHP
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành</b>				
Khoản vay 1	8.200.000.000	Ngày 19 tháng 7 năm 2024	3,0	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh TP.Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 1	945.476.500	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	6,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 100, Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của IDICO-INCON

**TỔNG CỘNG** 265.838.829.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. VAY (tiếp theo)**

**28.2 Vay dài từ hạn ngân hàng**

Nhóm công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5,12,13, 14)
VND					
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành</b>					
Khoản vay 1	660.338.541.584	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2028	Thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hữu Thạnh	6,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hữu Thạnh đối với phần diện tích chưa được cho thuê
Khoản vay 2	413.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2028		6,0	
Khoản vay 3	245.473.749.626	Ngày 28 tháng 3 năm 2033		6,0	
<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai</b>					
Khoản vay 1	587.180.216.383	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2032	Đầu tư các dự án B.O.T	9,0 - 12,5	Quyền, lợi ích phát sinh từ việc thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) gắn liền với công trình BOT
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam</b>					
Khoản vay 1	400.246.251.115	Từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 đến ngày 19 tháng 10 năm 2029	Thanh toán các chi phí dự án Thủy điện Đak Mi 3	7,0	Tài sản cố định của Dự án Thủy điện Đak Mi 3



# Tổng công ty IDICO - CTCP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. VAY (tiếp theo)

### 28.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh 5,12,13,14)
	VND			(%/năm)	
<b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>					
Khoản vay 1	75.672.182.740	Ngày 3 tháng 3 năm 2025	Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam (Giai đoạn 1) của IDICO-CONAC	8,0	Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam (giai đoạn 1) và các quyền phát sinh từ dự án
<b>Quỹ Đầu tư Phát triển Long An</b>					
Khoản vay 1	4.687.500.000	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2024 đến ngày 20 tháng 9 năm 2025	Đầu tư dự án khu dân cư Phường 6 mở rộng	8,2	Các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.387.098.441.448</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	220.880.724.324				
Vay dài hạn	2.166.217.717.124				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. VAY (tiếp theo)**

**28.3 Trái phiếu phát hành**

Tổng công ty phát hành trái phiếu vào ngày 7 tháng 4 năm 2022 với các chi tiết như sau:

Mã trái phiếu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Thời hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			(%/năm)	
IDCH2225002	<u>400.000.000.000</u>	Ngày 7 tháng 4 năm 2025	Đầu tư bổ sung Dự án Đak Mi 3	8%	14.345.790 cổ phiếu của HTI sở hữu bởi IDICO 10.404.000 cổ phiếu của ICN sở hữu bởi IDICO 4.360.500 cổ phiếu của LAI sở hữu bởi IDICO

**29. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu kỳ	30.215.200.786	18.227.387.515
Trích quỹ trong kỳ	29.089.129.664	22.374.479.553
Sử dụng trong kỳ	<u>(12.973.350.512)</u>	<u>(10.386.666.282)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>46.330.979.938</u></b>	<b><u>30.215.200.786</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

30.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.299.999.290.000	44.477.461.497	36.231.882.784	(43.506.416.951)	207.183.384.188	1.401.677.547.523	1.181.860.046.097	6.127.923.195.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	681.407.844.918	156.376.938.957	837.784.783.875
Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức	-	-	42.840.000.000	-	-	(42.840.000.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền	-	-	-	-	-	(659.999.858.000)	(52.147.066.781)	(712.146.924.781)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	511.865.381.008	(511.865.381.008)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.474.563.537)	(2.831.441.813)	(26.306.005.350)
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(5.012.719.274)	(1.958.487.065)	(6.971.206.339)
Khác	-	-	-	5.838.756	3.853.364	(17.909.293.527)	408.072.688	(17.491.528.719)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>3.299.999.290.000</u>	<u>44.477.461.497</u>	<u>79.071.882.784</u>	<u>(43.500.578.195)</u>	<u>719.052.618.560</u>	<u>821.983.577.095</u>	<u>1.281.708.062.083</u>	<u>6.202.792.313.824</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.299.999.290.000	44.477.461.497	79.071.882.784	(43.500.578.195)	719.052.618.560	873.597.319.368	1.232.216.533.468	6.204.914.527.482
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.127.623.339.495	253.421.969.206	1.381.045.308.701
Chia cổ tức năm 2023 bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	(659.999.858.000)	(98.818.276.000)	(758.818.134.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền (ii)	-	-	-	-	-	(659.999.858.000)	-	(659.999.858.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.059.902.091)	(3.957.912.316)	(21.017.814.407)
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(5.649.563.526)	(2.421.751.731)	(8.071.315.257)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>3.299.999.290.000</u>	<u>44.477.461.497</u>	<u>79.071.882.784</u>	<u>(43.500.578.195)</u>	<u>719.052.618.560</u>	<u>658.511.477.246</u>	<u>1.380.440.562.627</u>	<u>6.138.052.714.519</u>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-CT ngày 2 tháng 1 năm 2024 và số 25/NQ-CT ngày 21 tháng 5 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng quản trị của Tổng công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tổng tỷ lệ 20%/mệnh giá cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-CT ngày 21 tháng 5 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng quản trị của Tổng công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 20%/ mệnh giá cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**30.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	% tỷ lệ sở hữu	Vốn cổ phần (VND)	% tỷ lệ sở hữu	Vốn cổ phần (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50	742.500.000.000	22,50	742.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93	393.613.000.000	11,93	393.613.000.000
Các cổ đông khác	65,57	2.163.886.290.000	65,57	2.163.886.290.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100,00</b>	<b>3.299.999.290.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.299.999.290.000</b>

**30.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	1.319.999.716.000	659.999.858.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	1.319.899.989.750	659.939.749.500

**30.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu đang lưu hành	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tổng công ty được quyền hưởng cổ tức do Tổng công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**30.5 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.127.623.339.495	681.407.844.918
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(11.354.732.809)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.127.623.339.495</b>	<b>670.053.112.109</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	329.999.929	329.999.929
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.417	2.030
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.417	2.030

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**31. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	1.232.216.533.468	1.181.860.046.097
Lãi thuần trong kỳ	253.421.969.206	156.376.938.957
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	(98.818.276.000)	(52.147.066.781)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.957.912.316)	(2.831.441.813)
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	(2.421.751.731)	(1.958.487.065)
Khác	-	408.072.688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.380.440.562.627</b>	<b>1.281.708.062.083</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. DOANH THU

#### 32.1 Doanh thu về cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.615.571.916.469</b>	<b>3.554.243.938.726</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cho thuê lại đất và hạ tầng tại các khu công nghiệp ghi nhận một lần (*)	1.948.250.868.890	1.378.882.091.782
Doanh thu cho thuê lại đất và hạ tầng tại các khu công nghiệp ghi nhận phân bổ	178.876.895.281	155.751.614.037
Doanh thu kinh doanh điện	1.468.190.154.590	1.339.630.586.758
Doanh thu dịch vụ khu công nghiệp	226.832.072.981	192.987.643.860
Doanh thu thu phí đường bộ	226.359.202.712	216.335.599.971
Doanh thu kinh doanh bất động sản	369.136.417.258	54.669.425.302
Doanh thu hoạt động xây dựng	91.683.313.482	45.735.979.575
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	106.242.991.275	170.250.997.441
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(26.052.352)</b>	<b>-</b>
Giảm giá hàng bán	(26.052.352)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.615.545.864.117</b>	<b>3.554.243.938.726</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	4.614.538.535.583	3.553.046.368.681
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 39)	1.007.328.534	1.197.570.045

(\*) Doanh thu cho thuê lại đất và hạ tầng tại các khu công nghiệp được ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, theo chính sách kế toán được trình bày tại *Thuyết minh số 3.18*.

Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, thì ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp như sau:

	VND			
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
	Doanh thu được Doanh thu được ghi phân bổ theo thời nhận một lần gian cho thuê		Doanh thu được Doanh thu được ghi phân bổ theo thời nhận một lần gian cho thuê	
Doanh thu cho thuê lại đất và hạ tầng	1.948.250.868.890	22.523.242.523	1.378.882.091.782	14.084.439.774
Giá vốn cho thuê lại đất và hạ tầng	695.343.699.629	6.950.900.759	714.140.676.015	7.233.658.713
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.252.907.169.261</b>	<b>15.572.341.764</b>	<b>664.741.415.767</b>	<b>6.850.781.061</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. DOANH THU (tiếp theo)

32.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi và cho vay	67.358.687.945	98.398.688.319
Lãi các khoản đầu tư	2.539.725.710	3.627.397.261
Lãi chênh lệch tỷ giá	288.341.831	344.021.619
Cổ tức nhận được	179.544.000	458.032.000
Khác	4.146.940	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.370.446.426</b>	<b>102.828.139.199</b>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí lãi vay	68.306.183.446	101.471.621.967
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	81.000.000	2.857.188.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	55.086.600	170.003.674
Khác	1.429.098.999	26.795.657
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.871.369.045</b>	<b>104.525.609.298</b>

34. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn kinh doanh điện	1.397.136.928.041	1.212.936.236.080
Giá vốn hạ tầng khu công nghiệp	759.401.311.064	707.457.792.749
Giá vốn thu phí đường bộ	142.231.371.082	118.853.897.414
Giá vốn dịch vụ quản lý khu công nghiệp	136.773.926.985	120.620.848.450
Giá vốn kinh doanh bất động sản	97.188.422.021	18.924.009.547
Giá vốn hoạt động xây dựng	85.944.293.395	43.036.169.872
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	88.716.316.202	136.529.726.298
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.707.392.568.790</b>	<b>2.358.358.680.410</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>69.008.784.927</b>	<b>57.397.827.201</b>
Chi phí môi giới	37.207.249.254	14.345.275.042
Chi phí nhân viên	16.685.378.509	17.842.034.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.672.553.987	14.828.474.541
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.498.961.842	3.990.614.648
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.006.430.432	1.962.409.589
Chi phí khác	3.938.210.903	4.429.019.305
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>114.953.633.028</b>	<b>104.858.720.934</b>
Chi phí nhân viên	61.129.914.120	64.527.346.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.488.409.715	9.630.914.305
Chi phí dự phòng	7.190.401.423	3.111.570.110
Phân bổ lợi thế thương mại	7.047.316.000	1.587.170.384
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.580.528.001	6.252.009.411
Chi phí khác	19.517.063.769	19.749.710.491
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>183.962.417.955</b>	<b>162.256.548.135</b>

**36. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.568.214.592.060	1.332.187.877.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	706.357.647.426	751.441.126.782
Chi phí nhân viên	174.514.479.408	153.209.869.351
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.904.200.475	194.432.616.582
Chi phí dự phòng	47.203.414.928	20.000.000.000
Chi phí khác	99.570.638.169	149.414.991.523
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.719.764.972.466</b>	<b>2.600.686.481.695</b>

**37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Thu nhập khác</b>	<b>15.306.902.488</b>	<b>8.633.440.443</b>
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.261.369.863	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	87.272.726	6.166.380.909
Các khoản khác	3.958.259.899	2.467.059.534
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.487.426.115</b>	<b>844.365.104</b>
Các khoản khác	4.487.426.115	844.365.104
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>10.819.476.373</b>	<b>7.789.075.339</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Tổng công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh từ Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2017 - 2020) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2017.
- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Tổng công ty và các công ty con áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**38.1 Chi phí thuế TNDN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	385.740.229.587	200.287.792.691
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	190.542.225	303.106.618
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(30.222.723.294)	2.103.245.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>355.708.048.518</b>	<b>202.694.145.071</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.736.753.357.219</b>	<b>1.040.478.928.946</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm công ty	347.350.671.444	208.095.785.789
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.409.463.200	317.434.077
Chi phí không được trừ	1.915.084.262	697.878.039
Lỗi của các công ty con chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.136.890.564	1.276.406.682
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN theo quyết toán	190.542.225	303.106.618
Lỗi tính thuế chuyển sang từ năm trước	-	(7.132.410.151)
Khác	(1.294.603.177)	(864.055.983)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>355.708.048.518</b>	<b>202.694.145.071</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**38.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**38.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>					
Chi phí trích trước	115.150.776.924	95.233.421.203	(19.917.355.721)	-	
Dự phòng chi phí duy tu sửa chữa dự án BOT An Sương - An Lạc	40.274.670.324	31.028.938.032	(9.245.732.292)	-	
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	5.240.915.818	3.777.408.358	(1.463.507.460)	(1.045.829.395)	
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>160.666.363.066</b>	<b>130.039.767.593</b>			
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>					
Dự phòng đầu tư tài chính	42.019.211.853	41.630.902.579	388.309.274	1.845.151.597	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.035.423.993	3.019.861.088	15.562.905	1.303.923.560	
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>	<b>45.054.635.846</b>	<b>44.650.763.667</b>			
<b>(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(30.222.723.294)</b>	<b>2.103.245.762</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**38.4 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau**

Nhóm công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm công ty có các khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 78.238.540.834 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 47.554.088.015 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	VND Chưa chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
2019	2024	5.195.848.581	-	-	5.195.848.581
2020	2025	4.208.684.332	-	-	4.208.684.332
2021	2026	29.333.126.320	-	-	29.333.126.320
2022	2027	4.635.065.572	-	-	4.635.065.572
2023	2028	4.181.363.210	-	-	4.181.363.210
2024	2029	30.684.452.819	-	-	30.684.452.819
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>78.238.540.834</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.238.540.834</b>

(\*) Số lỗ tính thuế ước tính nêu trên theo tờ khai thuế của Tổng công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**39. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan với Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty liên kết
Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này	Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 39. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Thuê văn phòng	5.660.235.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Cung cấp dịch vụ	1.007.328.534	1.197.570.045

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Cung cấp dịch vụ xây lắp	<u>699.292.404</u>	<u>145.703.359</u>
---	--------------------------	--------------------	--------------------

#### **Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Thuê văn phòng	<u>1.247.917.955</u>	<u>943.372.500</u>
------------------------------	----------------	----------------------	--------------------

#### **Phải thu ngắn hạn khác**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Cổ tức	<u>1.463.684.880</u>	<u>1.463.684.880</u>
---	--------	----------------------	----------------------

#### **Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Mua dịch vụ lắp đặt	<u>1.477.080.676</u>	<u>1.507.080.676</u>
---	---------------------	----------------------	----------------------



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác) của các thành viên Hội đồng quản trị ("TV HĐQT"), Ủy ban kiểm toán ("UBKT") và Ban Tổng giám đốc ("TGD") trong kỳ như sau:

Cá nhân	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	1.030.000.000	831.077.650
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.847.500.000	1.634.500.111
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	1.088.958.333	287.500.000
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên UBKT	910.833.333	253.000.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT	255.000.000	149.000.111
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	935.000.000	1.023.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	1.170.000.000	1.045.000.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	935.000.000	1.023.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	850.000.000	950.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.022.291.666</b>	<b>7.196.077.872</b>

40. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Nhóm công ty hiện đang thuê tòa nhà văn phòng và tài sản khác theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	14.279.459.609	13.345.379.609
Từ 1 - 5 năm	16.385.348.895	22.479.052.995
Trên 5 năm	1.563.575.191	1.592.800.895
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.228.383.695</b>	<b>37.417.233.499</b>

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty có các hợp đồng liên quan đến việc xây dựng phát triển dự án ở các khu công nghiệp Hữu Thạnh, Cầu Nghìn, Phú Mỹ II, Phú Mỹ 2 mở rộng, Quế Võ, Nhà xưởng Dịch vụ IDICO – Nhơn Trạch 1, Khu Dân cư nhà ở công nhân Hữu Thạnh, Khu Dân cư Phường 6 mở rộng, dự án Khu trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thuộc Khu đô thị Bắc Châu Giang, dự án Mỹ Xuân B1 mở rộng với tổng giá trị 857 tỷ VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đầu tư khu công nghiệp và khu dân cư, xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện và cung cấp các dịch vụ có liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nhóm công ty hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	VND							
	<i>Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp</i>	<i>Hoạt động kinh doanh điện</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Hoạt động thu phí đường bộ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>Các hoạt động còn lại</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Hợp nhất</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>								
<b>Doanh thu thuần bộ phận</b>								
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.407.701.629.855	1.478.061.993.003	110.352.065.900	226.359.202.712	369.616.417.258	109.133.555.607	(85.679.000.218)	4.615.545.864.117
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(53.741.792.703)	(9.871.838.413)	(18.668.752.418)	-	(480.000.000)	(2.916.616.684)	85.679.000.218	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>2.353.959.837.152</b>	<b>1.468.190.154.590</b>	<b>91.683.313.482</b>	<b>226.359.202.712</b>	<b>369.136.417.258</b>	<b>106.216.938.923</b>	<b>-</b>	<b>4.615.545.864.117</b>
<b>Kết quả</b>								
Lợi nhuận gộp	1.457.784.599.103	71.053.226.549	5.739.020.087	84.127.831.630	271.947.995.237	17.500.622.721	-	1.908.153.295.327
Chi phí không phân bổ							(171.399.938.108)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(385.930.771.812)	
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại							30.222.723.294	
Lợi nhuận sau thuế TNDN							1.381.045.308.701	
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>								
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>								
Tài sản bộ phận	9.038.148.484.610	2.401.980.721.307	205.742.836.402	1.235.891.674.122	1.929.789.774.344	266.814.446.247	15.078.367.917.032	
Tài sản không phân bổ (*)							2.466.129.534.825	
<b>Tổng tài sản</b>							<b>17.544.497.451.857</b>	
Nợ phải trả bộ phận	7.884.883.781.622	1.103.138.224.132	191.787.556.712	969.111.148.292	1.074.014.583.601	183.509.442.979	11.406.444.737.338	
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>11.406.444.737.338</b>	

(\*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	VND							
	<i>Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp</i>	<i>Hoạt động kinh doanh điện</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Hoạt động thu phí đường bộ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>Các hoạt động còn lại</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Hợp nhất</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>								
<b>Doanh thu thuần bộ phận</b>								
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.778.255.780.344	1.346.910.185.936	128.872.730.875	216.335.599.971	55.149.425.302	177.302.726.375	(148.582.510.077)	3.554.243.938.726
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(50.634.430.665)	(7.279.599.178)	(83.136.751.300)	-	(480.000.000)	(7.051.728.934)	148.582.510.077	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>1.727.621.349.679</b>	<b>1.339.630.586.758</b>	<b>45.735.979.575</b>	<b>216.335.599.971</b>	<b>54.669.425.302</b>	<b>170.250.997.441</b>	<b>-</b>	<b>3.554.243.938.726</b>
<b>Kết quả</b>								
Lợi nhuận gộp	899.542.708.480	126.694.350.678	2.699.809.703	97.481.702.557	35.745.415.755	33.721.271.143	-	1.195.885.258.316
Chi phí không phân bổ								(155.406.329.370)
Chi phí thuế TNDN hiện hành								(200.590.899.309)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								(2.103.245.762)
Lợi nhuận sau thuế TNDN								837.784.783.875
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>								
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>								
Tài sản bộ phận	9.482.541.705.951	2.380.979.885.106	184.014.005.485	1.267.245.663.441	1.745.348.231.997	258.752.858.135		15.318.882.350.115
Tài sản không phân bổ (*)								2.401.563.241.545
<b>Tổng tài sản</b>								<b>17.720.445.591.660</b>
Nợ phải trả bộ phận	7.996.894.454.301	1.086.354.091.340	176.880.446.649	910.221.541.568	1.176.564.005.948	168.616.524.372		11.515.531.064.178
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>11.515.531.064.178</b>

(\*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**42. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, Hội đồng quản trị IDICO-LINCO đã ban hành Thông báo số 102/NQ-CT về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ vốn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Số lượng dự kiến phát hành là 8.550.000 cổ phiếu và mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phiếu, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 85.500.000.000 VND. Tại ngày của báo cáo này, nghiệp vụ trên chưa hoàn tất.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

  
 Nguyễn Thị Kim Phụng  
 Người lập

  
 Trần Thị Ngọc  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Việt Tuấn  
 Phó Tổng giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024